

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12 -9 - 2023
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chu Hạ Uyên

2. Ông Phạm Quốc Thân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trục - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 416/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ 33, ấp H, xã H, thành phố L, Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Trọng N, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Nơi cư trú: Tổ 33, ấp H, xã H, thành phố L, Đồng Nai.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Tôi và ông Huỳnh Trọng N qua tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Cuộc sống chung thời gian đầu bình thường đến đầu năm 2015 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng xường xuyên cãi vã, gây gổ với nhau, không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Hiện chúng tôi không còn tình cảm và không có qua lại gì. Mâu thuẫn của chúng tôi đã thật sự trầm trọng, không thể nào hàn gắn hòa giải được. Vì vậy, nay tôi đề nghị được ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 03 con chung, tên Huỳnh Thị Phương Th, sinh năm 1999; Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 2003 và Huỳnh Thị Tuyết V, sinh ngày 01/01/2005. Tất cả đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có gì.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, giao nộp: Đơn khởi kiện; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Căn cước công dân của nguyên đơn và bị đơn (bản sao); giấy khai sinh của 03 con (bản sao); Bản tự khai và đơn đề nghị vắng mặt (bản chính).

* Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Trọng N trình bày:

Thông nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung như nguyên đơn trình bày là hoàn toàn đúng sự thật. Chúng tôi tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung thường xuyên có mâu thuẫn, không có hạnh phúc. Hiện đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay không có qua lại gì. Nay bà V yêu cầu ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: Có 03 con chung, tên Huỳnh Thị Phương Th, sinh năm 1999; Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 2003 và Huỳnh Thị Tuyết V, sinh ngày 01/01/2005. Tất cả đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp, giao nộp: Căn cước công dân, bản tự khai, lời khai trong biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị vắng mặt.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản lấy lời khai đương sự.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy V đối với ông Huỳnh Trọng N, về việc ly hôn. Tuy nhiên, ông N và bà V chung sống với nhau từ năm 1998, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận ông N và bà V là vợ chồng.

Về con chung: đương sự khai đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị Thúy V có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Trọng N. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp tranh chấp về Hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền:

Ông Huỳnh Trọng N là bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, là người bị nguyên đơn khởi kiện nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định: Nguyên đơn và bị đơn qua tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Cuộc sống chung không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là từ nhiều lý do khác nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể nào hàn gắn và không thể nào tiếp tục chung sống được nữa. Từ năm 2015 đến nay không còn chung sống với nhau. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem tình tiết này là sự thật và xác định, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo luật định nên khi yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng theo khoản 3 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ tư pháp; Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn và bị đơn khai có 03 con chung gồm: Huỳnh Thị Phương Th, sinh năm 1999; Huỳnh Thị Thu H,

sinh năm 2003 và Huỳnh Thị Tuyết V, sinh ngày 01/01/2005. Tất cả đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu gì, nên không xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ tư pháp.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tòa án xử:

1. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Thúy V và ông Huỳnh Trọng N là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu gì nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy V phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thúy V đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0007025 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TPLK;
- Chi cục THA TPLK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Thị Hoa